

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	NN604133
1.2. Tên học phần:	Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	2
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15
- Thực hành:	30
- Tự học:	60
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Ngoại ngữ
- Giảng viên phụ trách chính:	Hoàng Thị Hải Anh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	(giảng viên thỉnh giảng)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cần thiết trong tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu những nền văn hóa khác, cụ thể là văn hóa Hàn Quốc. Trong học phần này sinh viên sẽ có kỹ năng nhận định, đánh giá, phân tích về những điểm giống và khác nhau giữa văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc, từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả trong học tập, làm việc. Cung cấp cách nhìn nhận, tiếp cận hiệu quả trong giao tiếp liên văn hóa trong các tình huống đa dạng như văn hóa ứng xử, văn hóa chào hỏi, văn hóa doanh nghiệp ...v.v.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức và cách tiếp cận với những nền văn hóa khác, cụ thể là văn hóa Hàn Quốc, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc. Cách tiếp cận này kết hợp thể mạnh của 2 lĩnh vực: giao tiếp liên văn hóa đặt nền tảng trên các lý thuyết về tâm lý học và các lĩnh vực liên quan và kinh doanh quốc tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về giao tiếp liên văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc	Quan sát, kiểm tra thường xuyên
CLO2	Giải thích được và vận dụng các yếu tố, đặc trưng trong giao tiếp liên văn hóa Hàn Việt	Kiểm tra thường xuyên, hỏi đáp
CLO3	Giao tiếp Hàn Việt ở mức độ cao cấp	Kiểm tra thường xuyên, hỏi đáp

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1		R		R		M	M	M				M	M
CLO 2		R		R		M	M	M				M	M
CLO 3		R		R		M	M	M				M	M
Tổng hợp học phần		R		R		M	M	M				M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Park Jun Hyung (Đỗ Phương Thùy và các cộng sự biên dịch) (2021), *Cross Culture Giao văn hóa*, NXB Hồng Đức.

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [2] Shin Ho Chul và cộng sự (Hoàng Thị Hải Anh và các cộng sự biên dịch) (2022), Văn hóa và lễ nghi Hàn Quốc dành cho người học tiếng Hàn. NXB Hồng Đức.
- [3] Lee Gi Tae (Trần Thị Hường và các cộng sự biên dịch) (2013), *Tìm hiểu về văn hóa Hàn Quốc*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, In lần 4, Nhà xuất bản tổng hợp Tp Hồ Chí Minh.
- [5] Lee Mihyang và các cộng sự (Đỗ Phương Thùy và các cộng sự biên dịch) (2021), *Nội dung văn hóa ngôn ngữ Hàn Quốc cần biết khi học tiếng Hàn*, NXB Hồng Đức.
- [6] Hwang Woo Chul, Đỗ Phương Thùy (2022), Văn hóa Hàn Quốc trong giao tiếp hằng ngày, NXB Thế giới.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết
- Phân bố: 3 tiết/ buổi
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học và điểm phát biểu;
 - + Kiểm tra giữa kì: 1 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1. 문화간 소통의 기본 개념 1.1. 문화충격 및 얼음 덩어리의 문화	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
2	Chương 1. 문화간 소통의 기본 개념 (tiếp theo) 1.2. 문화간의 소통	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	1.3. 언어적 소통 및 비언어적 소통		- SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	
3	Chương 2. 전지구화 배경속에서 문화간소통 2.1. 문화에 관한 문제 2.2. 샐러드 볼 문화 2.3. 문화차이를 이겨내는 방식	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
4	Chương 3. 문화 및 소통 3.1. 소통과정에 있어서 문화의 영향 3.2. 문화 학습의 중요성 3.3. 문화 이해하기 3.4. 타문화들과의 대응	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
5	Chương 3. 문화 및 소통(tiếp theo) 3.5. 집단주의와 개인주의 의식 3.6. 체면 의식 3.7. 시간 의식 3.8. 환경 의식	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
6	Chương 4. 언어적 소통: 통역활용에 대해서 4.1. 은어나 애매한 말, 방언은 사용하지 말라 4.2. 유머는 되도록 사용하지	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	말되, 유머 감각은 키워라		- SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	
7	Chương 4. 언어적 소통: 통역활용에 대해서 (tiếp theo) 4.3. 구어의 사용을 피하고 현재 사용되고 있는 정확한 표현을 사용하라 4.4. 유창함에 목숨 걸지 말고 천천히 정확하게 표현하도록 노력해라	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
8	Kiểm tra định kỳ Chương 5. 비언어적소통 5.1. 비언어적 소통의 개괄 5.2. 근언 5.3. 외언	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
9	Chương 6. 문화충격과 적응 6.1. 문화충격이란 6.2. 문화 충격의 원인 6.3. 문화 충격의 분류 6.4. 문화충격과 적응	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
10	Chương 7. 문화간소통의기술 7.1. 시선 7.2. 접촉 7.3. 침묵 7.4. 표현방식 7.5. 웃음	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			- SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	
11	Chương 8. 타문화권에서 성공하는 사람들의 특징 8.1. 공감 8.2. 경의 8.3. 호기심 8.4. 유연성 8.5. 관용	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
12	Chương 8. 타문화권에서 성공하는 사람들의 특징 (tiếp theo) 8.6. 자발성 8.7. 개방성 8.8. 사교성 8.9. 긍정적인 이미지를 가지고 긍정적으로 사고하는 것 8.10. 겸손	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
13	Chương 9. 나의 문화 수준 9.1. 천상 천하 유아 독존 9.2. ‘적응’으로 가는 길	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3
14	Chương 10. 한 - 베 의사소통 문화의 비교 10.1. 한 - 베 일상 문화의 비교 10.2. 한 - 베 기업의 경영 문화의 비교	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	10.3. 한 - 베 의사소통 문화의 비교		- SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	
15	Ôn thi	1LT 2TH	- GV: Hướng dẫn SV các khái niệm, định nghĩa, kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc - SV: tiếp thu kiến thức và lập nhóm thuyết trình - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3

* **Ghi chú:** Ở buổi 1 (buổi học đầu tiên), GV giới thiệu mục tiêu học phần (HP); vị trí và vai trò của HP trong CTĐT của ngành; CLO, các hình thức kiểm tra đánh giá, trọng số của các bài đánh giá, nội dung HP, tiêu chí, biểu điểm các loại bài đánh giá, kiểm tra...; hướng dẫn phương pháp học tập HP, yêu cầu đối với SV; cung cấp và hướng dẫn SV cách sử dụng, theo dõi ĐCCT HP.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	SV làm bài kiểm tra vận dụng kiến thức đã học về ngôn ngữ học đối chiếu Hàn Việt; hoặc làm bài tập nhóm thuyết trình theo chủ đề	Bài kiểm tra/Bài tập nhóm thuyết trình	CLO1 CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.2	SV làm bài thi 60 phút (trắc nghiệm + tự luận/tự luận)	Bài thi có tiêu chí	CLO1 CLO2 CLO3	

		chấm điểm cụ thể		
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: 1 bài kiểm tra
- Hình thức: Trắc nghiệm/tự luận/bài thuyết trình nhóm theo chủ đề.
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5.a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Đúng nội dung (50 %)	Đúng từ vựng, ngữ pháp (30 %)	Đúng chính tả (20 %)
Từ 8 đến 10	Từ 80%	Từ 80%	Từ 80%
Từ 6 đến cận 8	Từ 60% đến cận 80%	Từ 60% đến cận 80%	Từ 60% đến cận 80%
Từ 4 đến cận 6	Từ 40% đến cận 60%	Từ 40% đến cận 60%	Từ 40% đến cận 60%
Từ 2 đến cận 4	Từ 20% đến cận 40%	Từ 20% đến cận 40%	Từ 20% đến cận 40%
Từ 0 đến cận 2	Từ 0% đến cận 20%	Từ 0% đến cận 20%	Từ 0% đến cận 20%

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: 1 bài thi
- Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Tiêu chí đánh giá: (cách xác định như kiểm tra định kỳ).

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 2024

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Hằng

Hoàng Thị Hải Anh

Lê Tuấn Sơn

Phụ lục

1. Hướng dẫn đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng; ghi chép bài đầy đủ); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao